TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PA
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11 – 4 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA , TỈNH GIA LAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Toản

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tạ Thị Hài
2. Bà Phan Thị Mỹ Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hải Biển – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa – Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay San – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 42/2018/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc*"ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị A, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh T, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Buôn H, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Tày:* Anh C- Công dân thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01/4/2019, nguyên đơn chị A trình bày:

- *Về hôn nhân:* Tôi và anh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và về

chung sống vợ chồng từ năm 2014. Có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 15/4/2014 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc, nhưng gần đây chồng tôi công việc không ổn định, thường hay nhậu say, chửi đánh tôi, ghen tuông vô cớ, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, vợ chồng không còn thương yêu nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Chúng tôi đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Do vậy tôi đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với anh T trước pháp luật.

- *Về con chung:* Tôi và anh T có 01 con chung là V, sinh ngày 15/9/2014. Nguyện vọng của tôi là nuôi con chung, tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Chúng tôi không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T có quan điểm được nhận nuôi con chung là V, không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con thì tôi không đồng ý. Vì anh T từ trước khi chúng tôi sống ly thân cho đến nay anh T không có nghề nghiệp gì, thu nhập không có ổn định, thấp, điều kiện sống và kinh tế không bảo đảm để nuôi con, nên tôi đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh T.

2. Trong biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Về thời gian kết hôn, chung sống vợ chồng như chị A trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được thời gian dài đến năm 2017 thì tôi và chị A bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, nhưng chưa đến mức phải ly hôn, tôi vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con. Chúng tôi đã sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Do vậy nếu chị A cương quyết yêu cầu ly hôn với tôi thì tôi cũng đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện tôi được quyền trực tiếp nuôi con chung.

- *Về con chung:* Tôi và chị A có 01 con chung là V, sinh ngày 15/9/2014. Nguyện vọng của tôi là được trực tiếp nuôi con chung, tôi không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T đồng ý ly hôn với chị A và giao con chung V cho chị A nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (sau đâu gọi tắt là HĐXX) cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án; đương sự cũng có thái độ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung vụ án thì Kiểm sát viên có quan điểm: Căn cứ các Điều 28, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pa đề nghị HĐXX sơ thẩm, xử:

- *Về hôn nhân:* Chị A được ly hôn với anh T trước pháp luật.

- *Về con chung:* Giao con V, sinh ngày 15/9/2014 cho chị A được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- *Về án phí:* Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pa theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là anh T có mặt tại phiên tòa. Nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị A là phù hợp.

[2] Về hôn nhân:

Chị A và anh T có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/2014 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau này cuộc sống gia đình phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hòa hợp nhau về mọi mặt, không có cùng quan điểm sống, không cùng chí hướng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn gia đình đã được hai bên, chính quyền địa phương giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng chị A vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Chị A và anh T không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2017 cho đến nay.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị A và anh T đã đến mức mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau và không cùng chí hướng xây dựng gia đình nữa nên yêu cầu ly hôn của chị A là chính đáng và có cơ sở. Do đó, HĐXX cho chị A được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con:

Chị A và anh T có 01 con chung tên là V, sinh ngày 15/9/2014. Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt thì chị A vẫn giữ quan điểm có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Còn anh T trước đây cũng có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa thì anh T đồng ý giao con chung V cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng. Trong qúa trình giải quyết vụ án do các đương sự có tranh chấp về người nuôi con nên Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về các điều kiện sinh hoạt, mức thu nhập, hoàn cảnh kinh tế, thời gian chăm sóc con, điều kiện học tập của con,…của các đương sự và của cháu V. Theo kết quả xác minh do Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế cung cấp (Bút lục 55 đến 62) thì chị A hiện đang công tác tại Bệnh viện đa khoa Trung ương Huế cơ sở 2, có thu nhập bình quân hàng tháng là 6.400.000 đồng, chị A có đất được cha mẹ cho, chị A và con đang chung sống với cha mẹ ruột trong một căn nhà 02 tầng có đầy đủ tiện nghi sinh hoạt tại tổ dân phố T, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Còn anh T theo kết quả xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai (Bút lục 51 đến 54) thì anh T hiện cư trú tại Buôn H, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai cùng với mẹ ruột. Anh T không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định mà còn phải chăm sóc lo cho mẹ ruột; anh T không có nhà riêng mà sống cùng mẹ trong 01 căn nhà ván gỗ nhỏ.

Như vậy, xét quan điểm của các đương sự thể hiện ý chí, quan điểm là hoàn toàn tự nguyện về việc thống nhất giao con chung cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp với kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án. Cho nên, HĐXX thấy cần thiết giao con là V, sinh ngày 15/9/2014 cho chị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với các điều kiện thực tế của con và quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con:

Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng chị A vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và thực hiện các nghĩa vụ chung về tài sản:

Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Ân phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị A được ly hôn với anh T trước pháp luật.

2. Về con chung: Giao con V, sinh ngày 15/9/2014 cho chị A được trực tiếp trôm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị A cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4.Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0006043 ngày 17/9/2018 của của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai. Chị A đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/4/2019), còn nguyên đơn chị A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-TAND t.Gia Lai;
-VKSND h.Krông Pa;
-Chi cục THADS h. Krông Pa;
-UBND xã Chư Drăng;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ/VP.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Khắc Toản

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Tạ Thị Hài

Phan Thị Mỹ Lệ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Khắc Toản